

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**
Bản án số: 68/2025/DS-ST
Ngày: 16-5-2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn S – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLST-DS ngày 08-01-2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 63/2025/QĐXX-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H, chức danh: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L1- ông Cò Lê H1, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Bá L, sinh năm 2002 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu A, B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: [E Tổ G N, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông [Võ Bá L](#) trình bày:

Ngày 18/11/2022, [Công ty T](#) (VIỆT NAM) ký Hợp đồng tín dụng số 3956801 về việc cấp tín dụng cho ông [Trần Văn Q](#) với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng (Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm: 20.000.000 đồng tiền vay và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 48% /năm. Theo đó, ông [Trần Văn Q](#) có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/11/2025.

Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 3956801 giữa [Công ty T](#) và ông [Trần Văn Q](#) là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng điện tử này được các bên giao kết thông qua việc ông [Trần Văn Q](#) đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, [Công ty TNHH H2](#) (là đơn vị đã đăng ký Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía [Công ty TNHH H2](#) cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho [Công ty T](#).

Sau khi ký kết, ngày 18/11/2022, [Công ty T](#) đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông [Trần Văn Q](#) với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà ông [Trần Văn Q](#) đã cung cấp. Qua đó, ông [Trần Văn Q](#) có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía [Công ty T](#) theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 25 hàng tháng.

Tuy nhiên, từ ngày 11/02/2023, ông [Trần Văn Q](#) đã ngừng thanh toán khoản vay cho phía [Công ty T](#) mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ để đề nghị ông [Trần Văn Q](#) thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi tích cực nào từ phía ông [Trần Văn Q](#) về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên. Tính đến thời điểm hiện tại, ông [Trần Văn Q](#) chỉ thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền: 2.306.000 đồng (Hai triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Việc ông [Trần Văn Q](#) cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” mà đôi bên ký kết đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của [Công ty T](#).

Tính đến ngày 16/05/2025, ông [Trần Văn Q](#) đã trễ hạn, không thanh toán các khoản tiền như sau:

- Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 21.184.743 đồng.
- Số tiền lãi chưa thanh toán: 16.992.965 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 9.389.261 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 2.204.314 đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu ông [Q](#) phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 16-5-2025 là 49.771.282 đồng (Bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng) trong đó tiền gốc: 21.184.743 đồng, lãi trong hạn 16.992.965 đồng, lãi quá hạn 9.389.261 đồng và lãi chậm trả 2.204.314 đồng.

Đồng thời ông [Q](#) phải tiếp tục trả lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3956801 kể từ ngày 17-5-2025 cho đến khi ông [Q](#) trả hết nợ.

2. Bị đơn ông [Trần Văn Q](#): Trong suốt quá trình tố tụng của vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông [Q](#) không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết có hình thức, nội dung phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân khoản vay, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Công ty T](#) (Việt Nam) đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng giữa các bên đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại [thành phố V](#) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa

Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3956801 ngày 18-11-2022:

Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3956801 ngày 18-11-2022 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn theo nguyên đơn trình bày hai bên giao kết hợp đồng qua hình thức dữ liệu điện tử, nguyên đơn cung cấp mã OTP cho bị đơn, bị đơn đăng nhập tài khoản bằng mã OTP được cấp và xác thực tài khoản để giao kết hợp đồng. [Công ty T](#) (Việt Nam) đã giải ngân khoản vay 21.540.000 đồng (Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm: 20.000.000 đồng tiền vay và 1.540.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 48%/ năm, nguyên đơn đã giải ngân khoản vay cho ông [Trần Văn Q](#) vào số tài khoản của ông [Q](#).

Như vậy, căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3956801 ngày 18-11-2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng được giao kết có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự, Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 33, Điều 35 và Điều 36 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Điều 53 của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Xét về số nợ gốc, nợ lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3956801 ngày 18-11-2022.

Theo các điều khoản của Hợp đồng, bị đơn ông [Q](#) đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng, cũng như nghĩa vụ trả gốc khi đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng, nên nguyên đơn đã chuyển nợ quá hạn và tính lãi trong hạn và quá hạn với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã cam kết, phù hợp với Điều 280, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Như vậy, đủ căn cứ buộc ông [Q](#) phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc chưa trả, tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trên, cụ thể tính đến ngày 16-5-2025 tổng số tiền là 49.771.282 đồng (Bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng) trong đó tiền gốc: 21.184.743 đồng, lãi trong hạn 16.992.965 đồng, lãi quá hạn 9.389.261 đồng và lãi chậm trả 2.204.314 đồng.

Ngoài ra, ông [Q](#) phải tiếp tục trả lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3956801 ngày 18-11-2022 kể từ ngày 17-5-2025 cho đến khi ông [Q](#) trả hết nợ.

[3] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Công ty T](#) (Việt Nam) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông [Trần Văn Q](#).

Buộc ông [Trần Văn Q](#) phải thanh toán cho [Công ty T](#) (Việt Nam) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-5-2025) với tổng số tiền 49.771.282 đồng (Bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng) trong đó tiền gốc: 21.184.743 đồng, lãi trong hạn 16.992.965 đồng, lãi quá hạn 9.389.261 đồng và lãi chậm trả 2.204.314 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17-5-2025), ông [Trần Văn Q](#) phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3956801 ngày 18-11-2022 cho đến khi ông [Q](#) trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông [Trần Văn Q](#) phải nộp 2.488.564đ (Hai triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm sáu mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho [Công ty T](#) (Việt Nam) số tiền MERGEFIELD số_tiền_biên_lai 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) ứng án phí đã nộp theo [B](#) lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004891 ngày 31-12-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hồng Hạnh

